NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

TÌM HIỂU THÊM VỀ CÁC PHỤ TỐ TRONG TIẾNG PAKOÓH

NGUYỄN HỮU HOÀNH*

TÓM TẮT: Trong sự phân loại cội nguồn các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, tiếng Pakoóh được xếp vào nhánh Katuic, chi Mon-Khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Trong các nghiên cứu về ngôn ngữ học, tiếng Pakoóh bắt đầu được chú ý từ những năm 60 của thế kỉ XX. Kể từ đó đến nay, hàng chục công trình với các nội dung nghiên cứu khác nhau đối với tiếng Pakoóh đã lần lượt được công bố (xin xem tài liệu tham khảo). Trong các nội dung đó, vấn đề phụ tố là một nội dung rất được quan tâm (Saundra K.Watson 1966; Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành 1986; Mark J. Alves, 2006). Tuy nhiên, có một thực tế là, số lượng cũng như nội dung ý nghĩa, chức năng của các phụ tố ở các công trình này không giống nhau. Tư liệu điều tra của chúng tôi cũng cho thấy rằng, những kết quả nghiên cứu đã có cần phải được xem xét thêm. Đó cũng là lí do để chúng tôi thực hiện bài viết này. Mục đích của bài viết là góp thêm một tiếng nói về các phụ tố trong tiếng Pakoóh; trên cơ sở đó góp phần vào việc nghiên cứu các đặc điểm ngữ pháp của ngôn ngữ này.

TỪ KHÓA: Mon-Khmer; Vietic; tiếng Pakoóh; phụ tố; ngữ pháp.
NHẬN BÀI: 08/05/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/06/2025

1. Dẫn nhập

Trong *Danh mục các dân tộc Việt Nam* do Tổng Cục thống kê ban hành (theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02 tháng 3 năm 1979), người Pakoóh được coi là một bộ phận của dân tộc Ta-ôi (dân tộc Ta-ôi gồm 3 nhóm địa phương là Ta-ôi, Pa-co, Pa-hi). Tên của tộc người này được ghi là *Pa-co*. Ngoài ra, trong các văn bản khác nhau, tên gọi của người Pakoóh còn được ghi bằng nhiều hình thức khác: *Pa Cô, Pa cô, Pa kô, Pa Kô, Pacoh, Paco, pokoh, Pakôh.* Theo cách phát âm của người Pa-co thì tên tự gọi của họ được ghi theo kí tự phiên âm quốc tế là *[pakɜ̱ʰ]* và chữ viết Pakôh-Taôih ghi là *Pakoóh*[1]. Trong tiếng nói của tộc người này, *Pakoóh* có nghĩa là *"phía núi"*.

Người Pakoóh hiện có khoảng 42.000 người, cư trú tập trung ở hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Ở tỉnh Thừa Thiên Huế, người Pakôh có khoảng 22.000 người, sinh sống ở các xã Hồng Thủy, Hồng Vân, Hồng Trung, Hồng Kim, Hồng Bắc, Hồng Quảng, Hồng Thái, Hồng Thượng, Hồng Hạ, thị trấn A lưới thuộc huyện A Lưới và xã Hồng Tiến huyện Hương Trà. Ở tỉnh Quảng Trị, người Pakoóh có khoảng 20.000 người, sinh sống ở các xã A Xing, A Túc, Hướng Lập, Hướng Việt, Hướng Phùng, Hướng Sơn huyện Hướng Hóa và các xã A Vao, A Ngo, Húc Nghì, Tà Long, Ba Nang, Pa Nang huyện Đakrông. Sống cận kề, xen kẽ với người Pakôh là người Cơ-tu, Tà-ôi, Vân Kiều, Kinh.

Như trên đã đề cập, về phương diện dân tộc học, người Pakoóh được coi là một bộ phận của dân tộc *Ta-ôi* nhưng từ phương diện ngôn ngữ, tiếng Pakoóh là một ngôn ngữ riêng (Nguyễn Hữu Hoành, 2022). Trong sự phân loại cội nguồn các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, tiếng Pakoóh được xếp vào nhánh Katuic, chi Mon-Khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Ở Việt Nam, ngoài tiếng Pakoóh, nhánh Katuic còn có các ngôn ngữ khác như Bru - Vân Kiều, Ta-ôi, Cơ-tu.

Trong các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học, tiếng Pakoóh bắt đầu được chú ý từ những năm 60 của thế kỉ XX. Có lẽ các công trình đầu tiên đề cập cụ thể đến tiếng Pakooh là 2 bài báo *Pacoh phonemes* và *Personal pronouns in Pacoh* của Richard và Saundra Watson in trong tạp chí *Mon-Khmer Studies* số 1, năm1964. Kể từ đó đến nay, hàng chục công trình với các nội dung nghiên cứu khác nhau đối với tiếng Pakoóh, trong đó có vấn đề phụ tố đã lần lượt được công bố (xin xem tài liệu tham khảo). Bài viết của chúng tôi là sự tiếp nối các công trình này.

[1] Trong bài viết, để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi sử dụng cách ghi này.

**PGS.TS; Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội;*
Email: nhhoanh2004@gmail.com

2. Kết quả nghiên cứu đã có và tư liệu nghiên cứu

Ở các công trình nghiên cứu về tiếng Pakoóh, vấn đề phụ tố là một nội dung thu hút được sự quan tâm của nhiều tác giả Saundra K.Watson (1996); Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành 919860; Mark J. Alves (2006). Trong số các tác giả này, có lẽ Saundra K.Watson là người đầu tiên bàn đến các phụ tố trong tiếng Pakoóh. Theo Saundra K. Watson, tiếng Pakoóh có 11 phụ tố đi với động từ. Hình thức và ý nghĩa của các phụ tố được xác định như sau (Watson, S.K, 1966, tr.15-30).

1) Tiền tố khiên động (Causative): pa- (với các biến thể ta-, a-, ca-, pi-, ti-);
2) Phụ tố tương hỗ: tar- (với biến thể -r-);
3) Tiền tố khiên động - tương hỗ: par- (với biến thể car-);
4) Tiền tố trạng thái-kết quả: ti- (với biến thể tu-);
5) Tiền tố không chủ ý: ta-;
6) Tiền tố danh hóa hành động: par- (với các biến thể ta-, -an-, -r-);
7) Trung tố danh hóa: -an- (với các biến thể -ann-, -al-, -ar-, -arn-, -n-);
8) Tiền tố có ý nghĩa khái quát láy âm đầu: Ci-/Ca-;
9) Tiền tố hoàn thành, kết thúc: ca- (ka-);
10) Tiền tố giả vờ: N-;
11) Tiền tố khiên động kết hợp với các gốc từ phi động từ: pi-;

Hai mươi năm sau, trong tài liệu *Sách học tiếng Pakôh - Taôih*, Nguyễn Văn Lợi và các cộng sự đã nhắc đến 10 phụ tố tiếng Pakoóh-Taôih [6; 29-43]. Có điều đáng lưu ý là, danh sách các phụ tố của nhóm tác giả này có nhiều khác biệt so với danh sách của Saundra K.Watson. Cụ thể là: trong danh sách các phụ tố của nhóm Nguyễn Văn Lợi, không có các phụ tố được đánh số thứ tự 3, 4, 5, 9, 10, 11 ở danh sách của Saundra K. Watson; ngược lại, có thêm 5 phụ tố khác: Ca- (láy âm đầu chỉ số nhiều), i- (chỉ ngôi không xác định), a- (thúc dục, ra lệnh), a- (tặng cách), N- (sở hữu cách).

Kế thừa kết quả nghiên cứu của Saundra K.Watson và của nhóm Nguyễn Văn Lợi, trên cơ sở nguồn tư liệu điều tra mới, Mark J. Alves lại xác nhận có 16 phụ tố trong tiếng Pakoóh (chúng tôi không kể vào đây các đơn vị chỉ thời gian mà tác giả coi là các phụ tố) (tr.27-32). Trong danh sách của tác giả này, ngoài các phụ tố mà Saundra K.Watson đề cập đến (có một số phụ tố được xác định lại ý nghĩa) còn có thêm các phụ tố: par1- (cấu tạo danh từ phái sinh có ý nghĩa là hành động của X), a- (chỉ kết quả), u-, i- (dùng trong trường hợp chủ ngữ không rõ), a- (tặng cách).

Những kết quả vừa trình bày cho thấy, số lượng cũng như nội dung ý nghĩa, chức năng của các phụ tố ở các tác giả là rất khác nhau. Điều này có nghĩa, việc xác định số lượng các phụ tố trong tiếng Pakoóh thực sự không đơn giản. Tư liệu điều tra của chúng tôi cũng cho thấy rằng, những kết quả nghiên cứu đã có cần phải được xem xét thêm. Đó cũng là lí do để chúng tôi thực hiện bài viết này. Mục đích của bài viết là góp thêm một tiếng nói về các phụ tố trong tiếng Pakoóh; trên cơ sở đó góp phần vào việc nghiên cứu các đặc điểm ngữ pháp của ngôn ngữ này.

Bài viết của chúng tôi được thực hiện dựa trên các nguồn tư liệu tiếng Pakoóh do chúng tôi thu thập qua các đợt điền dã trong nhiều năm (từ năm 2018 đến năm 2023) tại các vùng người Pakoóh sinh sống. Nguồn tư liệu này bao gồm: 1.418 câu tiếng Pakoóh (được thu thập qua 10 anket ngữ pháp); các bài tập đọc trong 10 cuốn sách học tiếng Pakoóh từ lớp 1 đến lớp 5 (Dự án dạy thí điểm ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2023); bảng từ vựng 1.000 đơn vị tiếng Pakoóh. Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo thêm tư liệu của một số công trình khác như: Sách học tiếng Pakôh-Taôih [6]; truyện cổ Pakoóh (song ngữ Việt-Pakoóh).

3. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở tư liệu mà chúng tôi thu thập được (có sự tham khảo kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước), dựa vào chức năng và ý nghĩa, có thể ghi nhận 12 phụ tố trong tiếng Pakoóh. Cũng xin nói ngay là, trong số 12 phụ tố này, có những phụ tố được sử dụng để cấu tạo nên các từ mới (từ phái sinh) nhưng cũng có những phụ tố chỉ được sử dụng để đánh dấu các quan hệ ngữ pháp của từ trong câu nói. Sau đâu là đặc điểm cụ thể của các phụ tố.

3.1. Trung tố danh hóa: **[-an-]**

Trong tiếng Pakoóh, trung tố ***-an-*** được sử dụng để tạo ra các danh từ trên cơ sở các gốc động từ, ví dụ: *koah* (cạo) > *k**an**oah* (cái để cạo, dao cạo); *kưa* (cạo) > *k**an**ưa* (cái cưa); *pi* (nói) > *p**an**i* (câu chuyện).

Ngữ cảnh đại diện[2]:

(1)Pani (2)ngkốh (3)lư (4)alang.

(1)câu chuyện (2)ấy (3)nhiều (4) hay (=câu chuyện rất hay)

a). Về mặt hình thức, khi gốc từ có hình thức đơn tiết, *âm đầu là phụ âm đơn*, ngoài hình thức -an- (như đã dẫn ở trên), trung tố này còn có các biến thể tự do khác như: -arn- hoặc -app-, ví dụ:

pứk (quạt)>*p**arn**ứk* (cái quạt); *uam* (đắp) > *k**arn**uam* (tấm đắp, chăn); *tăq* (làm) > *t**app**ăq* (việc làm).

Ngữ cảnh đại diện:

*(1)A-i (2)kuam (3)k**arn**uam (4)dóng (5)ado (6)akăi.*

(1)mẹ (2)đắp (3)chăn (4)cho (5)nó (6)con (= Mẹ đắp cho con).

Khi gốc từ có hình thức đơn tiết nhưng *âm đầu là tổ hợp phụ âm*, hình thức của trung tố phụ thuộc vào phụ âm thứ hai của gốc từ (biến thể kết hợp). Nếu phụ âm thứ 2 là ***r*** thì hình thức của trung tố là -ar-; nếu phụ âm thứ 2 là ***l*** thì hình thức của trung tố là -al-, ví dụ:

krang (khiêng) > *k**ar**rang* (đòn khiêng); *troop* (đeo trước mắt) > *t**ar**roop* (vật đeo, kính);

klân (ngăn) > *k**al**lân* (cái để ngăn); *kloi* (trói) > *k**al**loi* (dây trói).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Jean (2) karrang (3) doq (4) krang (5)kuteak

(1) lấy (2) đòn khiêng (3) để (4) khiêng (5) đất (= Lấy đòn khiêng để khiêng đất)

Khi gốc từ có hình thức song tiết, hình thức của trung tố là -r-, ví dụ:

takâuq (cắt bằng kéo) > *ta**r**kâuq* (cái kéo); *tiku* (ngồi) > *ta**r**ku* (ghế ngồi); *takoal* (gối đầu) > *ta**r**koal* (cái gối).

Ngữ cảnh đại diện:

*(1) Parnưk (2)idoq (3)te (4)idưp (5)ta**r**koal.*

(1) quạt mo (2)để (3)ở (4)dưới (5)cái gối (= Cái quạt mo để dưới gối).

Để tạo ra các danh từ phái sinh từ gốc động từ, bên cạnh trung tố ***-an-***, tiếng Pakoóh còn sử dụng hai hình thức tiền tố khác là ***par-*** và ***tar-***, ví dụ:

nil (đánh dấu) > ***par**nil* (cái đánh dấu); *tăq* (làm) > ***par**tăq* (dụng cụ lao động);

pôk (đi) > ***par**pôk* (dáng đi); *kăl* (chặt) > ***tar**kăl* (cái được chặt ra, khúc, đoạn).

Vấn đề đặt ra ở đây là, par-, tar- là hai phụ tố riêng hay là các biến thể có liên quan đến trung tố -an-? Cần phải thấy rằng, các hình thức -an-, par-, tar- đều có chung chức năng là tạo ra các danh từ phái sinh từ gốc động từ. Hơn nữa, các hình thức này lại không tạo ra các lớp từ phái sinh với ý nghĩa riêng biệt. Vì thế, theo chúng tôi, đây là các biến thể vị trí của cùng một phụ tố: phụ tố danh hóa các động từ.

b). Về mặt nội dung, các danh từ được cấu tạo bằng phụ tố danh hóa biểu thị các ý nghĩa sau:

- Biểu thị phương tiện, công cụ để thực hiện hành động của gốc từ, ví dụ:

kuam (đắp) > *karnuam* (tấm đắp, chăn); *kloi* (trói) > *kalloi* (dây trói); *tăq* (làm) > *partăq* (dụng cụ lao động); *nil* (đánh dấu) > *parnil* (cái đánh dấu); *doal* (gánh, vác) > *pardoal* (đòn gánh).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Pardoal (2) tikâih (3) dăng (4) tardi.

(1) đòn gánh (2) gẫy (3) ở (4) khoảng giữa (= Đòn gánh gãy ở giữa)

---

[2] Các câu ví dụ tiếng Pakoóh sẽ được trình bày thành 3 dòng: dòng thứ nhất là ví dụ bằng chữ viết Pakoóh, có đánh số thứ tự các từ; dòng thứ hai là dịch trực tiếp các từ sang tiếng Việt; dòng thứ ba là dịch thoát ý cả câu sang tiếng Việt (có dấu = ở trước).

- Biểu thị đối tượng, cách thức mà hoạt động của gốc từ hướng đến, ví dụ:

cha (ăn) > *parcha* (thức ăn, cách ăn); *tăq* (làm) > *tappăq* (việc làm, công việc);

troop (đeo trước măt) > *tarroop* (kính); *pi* (nói) > *pani* (câu chuyện).

Ngữ cảnh đại diện:

(1)Pani (2)ngkốh (3)lư (4)alang.

(1)câu chuyện (2)ấy (3) nhiều (4)hay (= Câu chuyện ấy rất hay).

- Biểu thị kết quả, sản phẩm do hoạt động của gốc từ tạo ra, ví dụ:

kut (thái, căt) > *kanut* (cái được thái ra, cắt ra); *krong* (rào) > *karrong* (hàng rào);

koaiq (vốc) > *kanoaiq* (một vốc); *kăl* (chặt) > *tarkăl* (cái được chặt ra, khúc, đoạn).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Tarkăl (2) along (3) jơ (4) lallong.

(1) khúc (2) cây (3) đã (4) trôi (= Khúc gỗ đã bị trôi đi).

***3.2. Tiền tố gây khiến (khiên động)* [pa-]**

Để tạo ra các động từ có ý nghĩa gây khiến (làm cho), tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***pa-,*** ví dụ:

cha (ăn) > *pacha* (bắt ăn, cho ăn); *chom* (biết) > *pachom* (làm cho biết, dạy); *choo* (về) > *pachoo* (đưa về); *sool* (kêu) > *pasool* (làm cho kêu lên, gọi); *cheam* (nuôi) > *pacheam* (bón)…

a) Về hình thức, tiền tố ***pa-*** có một biến thể tự do khá phổ biến là ***pi-***, ví dụ:

êp (ngắn) > *pa/pi-ếp* (làm cho ngắn lại, làm giảm); *tứng* (đứng) > *pa/pitứng* (làm cho đứng, dựng, chống); *prưp* (ngã) > *pa/piprưp* (làm ngã),…

Ngữ cảnh đại diện:

*(1) A-ăm (2)kư (3)**pi**tứng (4)dúng.*

(1) bố (2) tôi (3) làm cho đứng, dựng (4) nhà (= Bố tôi dựng nhà).

Bên cạnh biến thể ***pi-***, tiền tố gây khiến ***pa-*** còn có hai biến thể khác ít xuất hiện hơn là ***ta-*** và ***ka-***, ví dụ:

moot (vào) > ***ta****moot* (mang vào, đưa vào); *kang* (tiếng nói) > ***ta****kang* (nói); *kucheét* (chết) > *kacheét* (làm cho chết, giết).

Ngữ cảnh đại diện:

*(1) Do (2)**ta**kang (3)kang (4)Yoan (5)ma (6)toóp he (7)lâiq (8)chom.*

(1) Nó (2) nói (3) tiếng (4) Kinh (5) nhưng, mà (6) chúng tôi (7) không (8) hiểu

(= Nó nói tiếng Kinh nhưng chúng tôi không hiểu).

Đối với gốc từ có dạng song tiết phụ thuộc, khi thêm tiền tố pa-/pi- thì ở hình thức của từ phái sinh, tiền âm tiết bị loại bỏ, ví dụ:

ayư (nhớ) > *payư* (nhắc cho nhớ, làm cho nhớ); *chacheel* (nghiêng) > *picheel* (làm cho nghiêng); *kakăl* (dọc) > *pikăl* (làm cho dọc).

Đối với gốc từ là từ ghép, thì tiền tố pa-/pi- được chắp với từng từ tố, ví dụ:

chacheel kakăl (ngang dọc) > *picheel pikăl* (đánh võng, lạng lách); *pưt két* (to nhỏ) > *pipưt pikét* (làm cho to nhỏ); *raroop laliang* (sấp ngửa) > *piroop piliang* (làm cho sấp ngửa, bay liệng).

b). Về nội dung, tùy thuộc vào ý nghĩa của gốc từ, nghĩa gây khiến của động từ phái sinh có thể được cụ thể hóa theo những cách khác nhau:

- Nếu gốc từ biểu thị hoạt động nội hướng, động từ phái sinh là động từ ngoại hướng (hướng hoạt động tới một đối tượng khác), ví dụ:

prưp (ngã) > *pa/piprưp* (làm cho ai đó ngã, xô ngã); *bíq* (ngủ) > *pabíq* (ru ngủ);

hoom (tắm) > *tahoom* (tắm cho ai đó).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) A-i (2) ndong (3) tahoom (4) ado (5) akăi.

(1) mẹ (2) đang (3) tắm cho (4) cho nó (5) con (= Mẹ đang tắm cho con).

- Nếu gốc từ biểu thị hoạt động ngoại hướng, động từ phái sinh cũng là động từ ngoại hướng nhưng trong câu nói, chúng đòi hỏi phải có thêm một đối tượng nữa (hướng hoạt động tới hai đối tượng), ví dụ:

moot (vào) > *tamoot* (mang vào, dẫn vào); *ngôh* (ra) > *pangôh* (bày ra, dẫn ra); *cha* (ăn) > *pacha* (bắt ăn, cho ăn).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Kư (2) pacha (3) dooi (4) akăi.

(1) tôi (2) bắt ăn (3) cơm (4) con (= Tôi bắt con ăn cơm).

- Nếu gốc từ biểu thị đặc điểm, tính chất, động từ phái sinh có nghĩa "hoạt động tạo ra đặc điểm, tính chất do gốc từ biểu thị", ví dụ:

khun (hiền) > *pakhun* (làm cho hiền, thuần hóa); *êp* (ngắn) > *pa-êp* (làm cho ngắn, làm giảm); *lư* (nhiều, lâu) > *pilư* (làm cho nhiều lên, làm cho lâu hơn).

Ngữ cảnh đại diện:

(*1) Toop he (2)alang (3) **pi**lư (3) tôq (4) proaq tampaq (5) ndo (6) Bác Hồ.*

(1) Chúng tôi (2) nhớ (3) mãi mãi (3) đến (4) công lao (5) của nó (6) Bác Hồ

(= Chúng tôi mãi mãi nhớ đến công lao của Bác Hồ).

***3.3. Phụ tố tương hỗ* [tar-]**

Để tạo ra các động từ có ý nghĩa tương hỗ (tác động qua lại), tiếng Pakoóh sử dụng phụ tố ***tar-*** kết hợp với các gốc động từ, ví dụ:

púh (đánh) > *tarpúh* (đánh nhau); *chom* (biết) > *tarchom* (biết nhau); *veng* (đuổi) > *tarveng* (đuổi nhau).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Ameq(2) anha (3) acho (4) tarveng.

(1) mèo (2) và (3) chó (4) đuổi nhau (= Mèo và chó đuổi nhau).

a). Về mặt hình thức, khi gốc từ có hình thức đơn tiết, âm đầu là phụ âm đơn, phụ tố tương hỗ có hình thức là tiền tố *tar-* (như các trường hợp đã dẫn ở trên).

Khi gốc từ có hình thức song tiết phụ thuộc hoặc đơn tiết nhưng âm đầu là tổ hợp phụ âm thì phụ tố tương hỗ có hình thức là trung tố ***-r-*** hoặc ***-ar-***, ví dụ:

trứm (vật) > *t**ar**rứm* (vật nhau); *tamúh* (gặp) > *ta**r**múh* (gặp nhau); *kapo* (ôm) > *ka**r**po* (ôm nhau).

Ngữ cảnh đại diện:

*(1) Tôq (2)nno (3)tamme, (4)he (5)ta**r**múh (6)tudúng (7)kư (8)au!*

(1) đến (2) mùa (3) mới (4) chúng ta (5) gặp nhau (6) chỗ nhà (7) tôi (8) nhé

(= Sang mùa xuân, chúng ta sẽ gặp nhau ở nhà tôi nhé!)

b). Về mặt nội dung, như trên đã nói, phụ tố tương hỗ có chức năng tạo ra các động từ phái sinh biểu thị sự tác động qua lại của các chủ thể, ví dụ:

(1) Do (2) alứng (3) nnău (4)tarpúh (5)âi ?

(1) nó (2) với (3) ai (4) đánh nhau (5) thế (= Nó với ai đánh nhau thế?)

***3.4. Phụ tố láy âm đầu có ý nghĩa khái quát* [Ci-]**

Để tạo ra các từ phái sinh có ý nghĩa khái quát, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố láy lại âm đầu của gốc từ với nguyên âm i, ví dụ:

cha (ăn) > *chicha* (ăn nói chung); *toiq* (ăn cắp) > *titoiq* (ăn cắp nói chung); *choóh* (trồng) > *chichoóh* (trồng trọt nói chung).

Ngữ cảnh đại diện:

(1)Ndong (2)chicha (3)akâp (4)pưt (5)takang.

(1) khi, lúc (2) ăn nói chung (3) đừng, chớ (4) to (5) nói chuyện

(= Trong lúc đang ăn không nên nói nhiều).

***3.5. Phụ tố láy âm đầu có ý nghĩa chỉ số nhiều* [Ca-]**

Để tạo ra các từ phái sinh có ý nghĩa chỉ số nhiều, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố láy lại âm đầu của gốc từ với nguyên âm a, ví dụ:

sua (tìm) > *sasua* (tìm đi tìm lại, lục lọi); *két* (bé, nhỏ) > *kakét* (nhiều vật bé nhỏ); *chóng* (đốt) > *chachóng* (đốt liên miên).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Ati (2)ape (3) ***ka****két (4) lâiq (5) beenh (6) ati (7) tikuai (8) saseéq*

(1) tay (2) họ (3) nhiều trẻ, nhỏ (4) không (5) khỏe (6) tay (7) người (8) lớn lên

(= Tay trẻ con yếu hơn tay người lớn)

3.6. Tiền tố chỉ kết quả **[tar-]**

Để tạo ra các từ phái sinh có ý nghĩa chỉ kết quả do hoạt động của gốc từ tạo ra, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***tar-***, ví dụ:

tek (xé) > *tartek* (rách); *peéq* (bẻ) > *tarpeéq* (gãy);*róh* (cháy) > *tarróh* (bị cháy).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Kư (2) tek (3) anop, (4)anop (5)tartek (6)jơ.

(1) tôi (2) xé (3) áo; (4) áo (5) rách (6) rồi (= Tôi xé áo; áo rách rồi).

3.7. Tiền tố chỉ phương hướng của hành động **[pa-]**

Để đánh dấu các đối tượng mà hành động hướng tới, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***pa-***, ví dụ:

nnéh (này) > *panéh* (phía này); *ntíh* (kia) > *patih* (phía kia); *idău* (đêm) > *pa-idău* (về đêm); *sear* (xuống) > *pasear* (hướng xuống phía dưới); *koóh* (núi) > *pakoóh* (phía núi).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Mu (2)he (3)nhoóng (4)pasear (5)tôq (6)roo.

(1) nhiều (2) chúng tôi, số nhiều (3) nhìn (4) phía dưới (5) đến (6) vườn

(= Mọi người nhìn xuống vườn).

3.8. Tiền tố chỉ điểm đến, địa điểm xảy ra của hành động **[tu-]**

Để đánh dấu thành phần chỉ điểm đến, địa điểm xảy ra của hành động, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***tu-***, ví dụ:

dúng (nhà) > *tudúng* (nhà - điểm đến); *hoóng* (hang) > *tuhoóng* (hang - điểm đến); *ruang* (ruộng) > *turuang* (ruộng - điểm đến); *proaq* (công việc) > *tuproaq* (công việc - điểm đến); *daq* (nước) > *tudaq* (nước - điểm đến).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Apóh (2) daq (3) karpeal, (4) daq (5) hoi (6) moot (7) ***tu****ruang.*

(1) guồng (2) nước (3) quay, (4) nước (5) chảy (6) vào (7) ruộng

(= Guồng nước quay, nước chảy vào ruộng).

3.9. Tiền tố đánh dấu động từ do chủ thể ở ngôi thứ ba thực hiện **[u-]**

Để đánh dấu động từ do chủ thể ở ngôi thứ ba thực hiện, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố *u-,* ví dụ:

pôk (đi) > *upôk* (đi - chủ thể ngôi thứ 3 thực hiện); *ngoiq* (uống) > *ungoiq* (uống - chủ thể ngôi thứ 3 thực hiện); *moot* (vào) > *umoot* (vào - chủ thể ngôi thứ 3 thực hiện); *sâr* (lên) > *usâr* (lên - chủ thể ngôi thứ 3 thực hiện); *cha* (ăn) > *ucha* (ăn - chủ thể ngôi thứ 3 thực hiện).

Ngữ cảnh đại diện:

*(1) Munăq (2)do (3)ngeq (4)****ucha*** *(5)mooi (6)adeh (7)dooi.*

(1) một mình (2) nó (3) hết, cả (4) nó ăn (5) một (6) nồi (7) cơm

(= Một mình nó ăn hết cả nồi cơm).

3.10. Tiền tố đánh dấu đối tượng tiếp nhận của hành động **[a-]**

Để đánh dấu đối tượng tiếp nhận của hành động, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***a-***, ví dụ:

kư (tôi) > *akư* (tôi - đối tượng tiếp nhận); ***kăi*** (con) > ***akăi*** (con - đối tượng tiếp nhận); *do* (nó) > *ado* (nó - đối tượng tiếp nhận); *he* (chúng tôi) > *ahe* (chúng tôi - đối tượng tiếp nhận); *măi* (mày) > *amăi* (mày - đối tượng tiếp nhận),…

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Keéq (2)joon (3)akư (4)bar (5)kantrúm (6)piar (7)te (8)iniang (9)along (10)ntíh.

(1) hái (2) cho (3) tôi (4) hai (5) bông (6) hoa (7) ở, từ (8) trên (9) cây (10) kia

(= Hái cho tôi hai bông hoa ở trên cây kia).

3.11. Tiền tố đánh dấu đối tượng sở hữu **[N-]**

Để đánh dấu đối tượng sở hữu, thành phần định ngữ cho danh từ trong câu nói, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố tiền âm tiết mũi N-. Tùy thuộc vào vị trí cấu âm của phụ âm đầu gốc từ, hình thức của phụ tố này được cụ thể hóa khác nhau (phụ âm đầu gốc từ là các phụ âm môi thì tiền tố là m-; phụ âm đầu gốc từ là các phụ âm đầu lưỡi thì tiền tố là n-; phụ âm đầu gốc từ là các phụ âm mạc thì tiền tố là nh-; phụ âm đầu gốc từ là các phụ âm gốc lưỡi, thanh hầu thì tiền tố là ng-), ví dụ:

kư (tôi) > *ngkư* (của tôi); ***kăi*** (con) > ***ngkăi*** (của con); *do* (nó) > *ndo* (của nó); *he* (chúng tôi) > *nghe* (của chúng tôi); *măi* (mày) > *mmăi* (của mày).

Ngữ cảnh đại diện:

(1) Dúng (2) tamme (3) ngkư (4) pơơ (5) khâm.

(1) nhà (2) mới (3) của tôi (4) khá (5) bền (= Nhà mới của tôi khá bền).

Khi gốc từ có dạng song tiết, người Pakoóh sử dụng hình thức sở hữu của ngôi thứ ba (ndo) như là một hình thức đặc biệt của tiền tố N-, ví dụ:

*1) Cheam rôi (2)la (3)mu (4) proaq tappăq (5)**ndo** (6)ape (7)noong yân.*

(1) chăn nuôi (2) là (3) một (4) công việc (5) của nó (6) họ (7)nông dân

(= Chăn nuôi là công việc của người nông dân).

Cần lưu ý là, khi kết hợp với các tính từ, tiền tố này lại có chức năng đánh dấu thành phần định ngữ (hạn định) cho danh từ. Có thể nhận thấy chức năng này trong sự so sánh các cặp câu sau:

a1)**.** *(1)Anop (2) nnéh **(3)tiaq** (4)jơ*

(1) áo (2) này (3) cũ (4) rồi (= Áo này cũ rồi).

a2). *(1)Anop **(2) ntiaq** (3) ndo (4) a-ăm (5) kư (6) jơ (7) ngeq (8) parhoom.*

(1) áo (2) cũ (3) của nó (4) bố (5) tôi (6) đã (7) hết, cả (8) màu

(= Áo cũ của bố tôi đã bạc màu).

b1). *(1)Along (2) nnéh **(3) pưt** (4)lư.*

(1)cây (2) này (3) to (4) nhiều (= Cây này to lắm).

b2). *(1) Amiang (2) kâl (3) tôm (4) along **(5) mpưt** (6) nnéh (7) dăng (8) amâh?*

(1) Anh (2) chặt (3) gốc (4) cây (5) to (6) này (7) bằng (8) cái gì?

(= Anh chặt cái cây to này bằng cách nào?)

3.12. Tiền tố đánh dấu thành phần miêu tả trạng thái của hoạt động [i-]

Để đánh dấu thành phần miêu tả trạng thái của hoạt động, tiếng Pakoóh sử dụng tiền tố ***i-.*** Có thể nhận thấy chức năng của tiền tố này trong sự so sánh các cặp câu như sau:

a1)- *(1)A-ăm (2) ngkư (3) **kăi** (4) ruang.*

(1) Bố (2) của tôi (3) cày (4) ruộng (= Bố tôi cày ruộng).

a2) **-** *(1) Ruang (2) nnéh (3)qua (4) **ikăi** (5) jơ.*

(1) Ruộng (2) này (3) đã (4) cày (5) rồi (= Ruộng này đã cày rồi).

b1) *(1) Kư (2)choóh (3)klứng (4)mma (5)along*

(1) tôi (2) trồng (3) nhiều (4) loại, giống (5) cây (= Tôi trồng nhiều loại cây).

b2) *(1)Ngkưm (2)trưang (3)kư (4)vi (5)ichoóh (6)pe (7)mma (8)along*.

(1) sân (2) trường (3) tôi (4) có (5) trồng (6) ba (7) loại (8) cây.

(= Sân trường tôi có trồng ba loại cây).

4. Thảo luận

Trở lên, chúng tôi vừa trình bày hệ thống phụ tố trong tiếng Pakoóh mà chúng tôi ghi nhận được qua nguồn tư liệu khảo sát của mình. Danh sách các phụ tố mà chúng tôi vừa trình bày, ngoài những điểm tương đồng còn có nhiều điểm khác biệt so với danh sách của các tác giả đi trước. Chẳng hạn, so với danh sách các phụ tố của Saundra K.Watson (1966), danh sách phụ tố của chúng tôi không xác nhận sự tồn tại của các tiền tố: không chủ ý (tar-), giả vờ (N-), khiên động - tương hỗ (par-), trạng thái-kết quả (ti-), kết thúc (ca-). Một số phụ tố khác, trong danh sách của chúng tôi chúng chỉ được xem là các biến thể chứ không phải là những phụ tố riêng biệt: tiền tố khiên động (pi-) là biến thể của tiền tố khiên động (pa-), tiền tố danh hóa (par-) là biến thể của trung tố danh hóa (-an-). Bên cạnh đó,

danh sách các phụ tố của chúng tôi lại ghi nhận một số phụ tố mà ở danh sách của Saundra K.Watson không có: tiền tố láy âm đầu có ý nghĩa số nhiều (Ca), tiền tố chỉ hướng (pa-), tiền tố chỉ điểm đến (tu-), tiền tố chỉ đối tượng tiếp nhận (a-), tiền tố chỉ chủ thể ngôi thứ ba thực hiện hành động (u-), tiền tố chỉ trạng thái của sự vật, hiện tượng (i-). Tại sao có tình trạng như vậy?

Lí giải điều này, theo chúng tôi có một số nguyên nhân sau:

a). Trước hết, đó là tiêu chí nhận diện các phụ tố. Các tác giả trước đây (Saundra K.Watson 1966, Mark J. Alves 2006) khi xác định các phụ tố thường chú trọng hơn vào hình thức và khả năng kết hợp của chúng với các gốc từ thuộc về các từ loại khác nhau (phụ tố đi với động từ, phụ tố đi với đại từ, v.v). Đây là cách tiếp cận có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nếu quá coi trọng các tiêu chí này thì việc xác định tư cách các phụ tố lại có vấn đề. Thực tế là, có những phụ tố có thể kết hợp với các gốc từ thuộc các từ loại khác nhau và có nhiều hình thức phụ tố cùng có chung một chức năng, ý nghĩa. Chẳng hạn, tiền tố khiên động có các hình thức thể hiện như pa-/pi-/ta-/ka- và có thể kết hợp với cả động từ, tính từ (xem mục 3.2). Vì dựa vào khả năng kết hợp mà Saundra K.Watson và Mark J. Alves đã xem hai hình thức pa- và pi- là hai phụ tố khác nhau. Nếu coi trọng chức năng, ý nghĩa của các phụ tố (theo cách nhìn của chúng tôi) thì hai hình thức đó chỉ là biến thể của cùng một phụ tố.

b). Điểm thứ hai, có thể đồng ý với Mark J. Alves khi cho rằng, sự khác biệt về danh sách các phụ tố ở các công trình nghiên cứu có thể do quá trình biến đổi theo thời gian của bản thân tiếng Pakoóh (các công trình nghiên cứu thường cách nhau 20 năm). Chẳng hạn, rất có thể vào thời điểm Saundra K.Watson (1966), tiếng Pakoóh có tồn tại phụ tố N- biểu thị ý giả vờ nhưng đến tư liệu khảo sát năm 2023 thì phụ tố này không tồn tại nữa mà chỉ có phụ tố N- biểu thị ý nghĩa sở hữu, v.v.

c). Điểm thứ ba, đó có thể là do phạm vi nguồn tư liệu thu thập được của mỗi tác giả khác nhau. Nguồn tư liệu càng lớn, càng đa dạng thì càng thuận lợi trong việc phát hiện và xác định các phụ tố; ngược lại, việc xác định các phụ tố sẽ hết sức khó khăn nếu nguồn tư liệu thu thập được không đủ lớn. Điều này được thể hiện rõ khi một số phụ tố được ghi nhận ở tác giả này nhưng lại không được ghi nhận ở tác giả khác (ví dụ: khá nhiều phụ tố trong danh sách của Mark J. Alves (2006) không có trong danh sách của Saundra K.Watson (1966) như: tiền tố chỉ kết quả ?a-, tiền tố sở hữu N-, các tiền tố biểu thị ngôi không xác định u-, i-).

5. Kết luận

Việc xem xét các phụ tố tiếng Pakoóh cho phép rút ra một số kết luận như sau:

Trong mối tương quan với các nhánh ngôn ngữ khác của chi Mon-Khmer như Vietic, Bahnaric, Khmuic, Mảng…, tiếng Pakoóh là ngôn ngữ giàu phụ tố. Sự có mặt trên mười phụ tố với các chức năng khác nhau (cấu tạo từ mới, biểu thị quan hệ ngữ pháp) như tiếng Pakoóh trong các nhánh ngôn ngữ vừa kể là rất hiếm gặp. Đây cũng là đặc điểm chung của các ngôn ngữ thuộc nhánh Katuic như Ta-ôi, Cơ-tu, Bru-Vân Kiều.

Trong tiếng Pakoóh, bên cạnh những phụ tố xuất hiện phổ biến ở nhiều ngôn ngữ Mon-Khmer như tiền tố khiên động pa-, tiền tố tương hỗ tar-, trung tố cấu tạo danh từ -an-, tiền tố biểu thị ý nghĩa kết quả tar-, tiền tố chỉ đối tượng tiếp nhận của hành động a-, còn có nhiều phụ tố ít thấy xuất hiện ở các ngôn ngữ cùng nhánh, cùng chi như: tiền tố chỉ quan hệ sở hữu N-, tiền tố chỉ quan hệ chủ thể ngôi thứ ba u-, tiền tố chỉ điểm đến của hành động tu-, tiền tố chỉ phương hướng pa-, v.v. Có thể xem đây như là đặc trưng riêng của tiếng Pakoóh.

Khác với các ngôn ngữ tổng hợp tính (như tiếng Nga chẳng hạn), các phụ tố của tiếng Pakoóh nói riêng, của các ngôn ngữ Mon-khmer nói chung đều là các phụ tố đơn nghĩa và sự kết hợp của chúng với các gốc từ được thực hiện theo lối chắp dính.

Ở trạng thái hiện nay, nhìn chung, các phụ tố tiếng Pakoóh còn hoạt động khá tích cực. Điều này được thể hiện ở chỗ, trong các văn bản được ghi lại bằng chữ Pakoóh cũng như trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người Pakoóh, sự hiện diện của các phụ tố là rất thường xuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mark J. Alves (2006), *A grammar of Pacoh: A Mon-Khmer language of the central highlands of Vietnam,* Pacific Linguistics Research School of Pacific and Asian Studies the Australian National University.
2. Banker E.M (1964), *Bahnar affixation*, Mon-Khmer studies I, Sài gòn, 1964 (99-119).
3. Nguyễn Hữu Hoành, *Cấu tạo từ tiếng Katu*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1995.
4. Nguyễn Hữu Hoành (1995), "Những nhận xét bước đầu về các phụ tố trong tiếng Mảng", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4.
5. Nguyễn Hữu Hoành, Phan Lương Hùng, Bùi Thị Ngọc Anh (2022), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một số vấn đề về xác định thành phần, tên gọi và cách viết tên ngôn ngữ trong mối quan hệ với dân tộc*, Nxb Khoa học xã hội, H, .
6. Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành (1986), *Sách học tiếng Pakôh – Taôih*, H, .
7. Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông (1998), *Tiếng Bru-Vân Kiều*, Nxb Khoa học xã hội, H.
8. Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế (2004), *Tài liệu học tiếng Pa Kô - Tà Ôi*, tập 1, Huế.
9. Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế (2018), *Tài liệu học tiếng Pa Kô -Tà Ôi*, tập 2, Huế.
10. Nguyễn Thị Sửu (2008), *Cấu tạo từ tiếng Ta ôi,* Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học.
11. Thomas. P (1969)*, Chrau affixes*, Mon-Khmer studies III, Sài Gòn (102-119).
12. Watson, S.K (1966), *Verbal affixation in Pacoh,* Mon-Khmer Studies II, Sài Gòn (15-31).

Learn more about affixes in the Pakoóh language

Abstract: In the classification of the origins of languages in Southeast Asia, Pakoóh is classified into the Katuic branch, the Mon-Khmer family, and the Austroasiatic language phylum. In linguistic studies, Pakoóh began to receive attention in the 1960s. Since then, dozens of works with different research contents on Pakoóh have been published (see references). Among these contents, the issue of affixes is a very concerned content (Saundra K. Watson 1966; Nguyen Van Loi, Doan Van Phuc, Phan Xuan Thanh 1986; Mark J. Alves 2006). However, there is a fact that the quantity as well as the content, meaning and function of affixes in these works are not the same. Our survey data also shows that the existing research results need to be further examined. That is also the reason why we conducted this article. The purpose of this article is to add a voice to the affixes in Pakoóh; thereby contributing to the study of the grammatical features of this language.

Key words: Mon-Khmer; Vietic; Pakoóh; affixes; grammar.